

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Hân;
2. Bà Phan Thị Trang Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị D, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Quách Thị D trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà D và ông G quen biết nhau tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức tiệc với gia đình 02 bên để báo hỷ nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì đã lớn tuổi, chấp nối nên nghĩ là không cần thiết kết hôn. Từ khi chung sống bà D và ông G không sống

chung một nhà mà mỗi người sống riêng tại nhà riêng của mỗi người có trước khi kết hôn. Hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do ông G hay ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm. Đến trước tết nguyên đán năm 2019 bà D và ông G cự cãi cũng do ông G ghen tuông và xảy ra xô xát. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể duy trì nên bà D cương quyết ly hôn với ông G.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Trần Văn G trình bày:

- Về hôn nhân: Ông G và bà D có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức tiệc với gia đình 02 bên để báo hỷ nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì đã lớn tuổi. Ông G và bà D chỉ qua lại nhà 02 bên chứ không có dọn về chung sống một nhà từ khi kết hôn đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng cũng không lớn, do ông G yêu thương vợ nên cũng có ghen tuông với vợ và cũng có cự cãi, xảy ra xô xát nhưng không lớn. Ông G vẫn còn tình cảm với bà D và muốn hàn gắn hôn nhân với bà D nhưng bà D cương quyết ly hôn thì ông G đồng ý ly hôn với bà D.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Quách Thị D và bị đơn ông Trần Văn G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà D và ông G có thời gian quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013 trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức tiệc với gia đình 02 bên để báo hỷ nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đã lớn tuổi nên ông G và bà D chỉ qua lại nhà 02 bên chứ không

có dọn về chung sống một nhà từ khi kết hôn đến nay, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do ông G hay ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm, bà D và ông G cự cãi cũng do ông G ghen tuông và xảy ra xô xát. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể duy trì nên bà D cương quyết yêu cầu ly hôn với ông G. Mặt khác, ông G vẫn còn tình cảm với bà D và muốn hàn gắn hôn nhân với bà D nhưng bà D cương quyết ly hôn thì ông G đồng ý ly hôn với bà D.

Xét thấy, bà D và ông G chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà D và ông G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung, tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà D phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Quách Thị D và ông Trần Văn G.

2. Về con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà D phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007038 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo